

Số: 459/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-BNV ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Lao động - Xã hội đào tạo các ngành Tâm lý học, Kinh tế, Luật kinh tế trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-ĐHLĐXH ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-ĐHLĐXH ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khung chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại Trường Đại học Lao động - Xã hội đối với các khóa đào tạo từ xa tuyển sinh từ năm học 2025-2026.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, trưởng phòng Quản lý đào tạo, trưởng phòng Quản lý chất lượng - Khoa học và Hợp tác quốc tế, trưởng phòng Tài chính - Kế toán, trưởng khoa Công tác xã hội, giám đốc Cơ sở II, giám đốc Cơ sở Sơn Tây và trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đạo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, P.QLĐT.



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 459/QĐ-ĐHLĐXH ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm
2. Khối lượng kiến thức: 137 tín chỉ
3. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH	KL
1	Kiến thức giáo dục đại cương			35				
1.1	Khoa học chính trị			11				
	THML0723H	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45	0		
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30	0		
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	30	0		
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	30	0		
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	0		
1.2	Tin học			4				
	TCB1222H	Tin học cơ bản	Basic Informatics	2	15	30		
	CNS1322H	Công nghệ số	Digital Technology	2	15	30		
1.3	Kiến thức khác ngành			12				
1.3.1	Các học phần bắt buộc			6				

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH	KL
	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	40	10		
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	40	10		
1.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 3/6)			6				
	ĐCVH0322L	Đại cương Văn hóa Việt Nam	Introduction to Vietnamese Culture	2	25	10		
	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	Corporate social responsibility in labor	2	15	30		
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	Introduction to Psychology	2	25	10		
	LOGI0722L	Logic học	Logics	2	25	10		
	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	25	10		
	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	25	10		
1.5	Kiến thức đại cương khác			8	8			
1.5.1	Ngoại ngữ		Foreign Language	8	8			
	TAC10622H	Tiếng Anh 1	English 1	2	25	10		
	TAC20623H	Tiếng Anh 2	English 2	3	40	10		
	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	English for law	3	40	10		
1.5.2	Giáo dục thể chất (3 TC)			3				
	Các học phần bắt buộc							
1.5.2.1	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1				
	Các học phần tự chọn (2/6 HP)							

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH	KL
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volleyball 1	1				
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volleyball 2	1				
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1				
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1				
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1				
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1				
	A005301	Vovinam – Việt võ đạo cơ bản	Vovinam	3				
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe							
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1				
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1				
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1				
1.5.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)							
	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National Defense and Security guidelines of Vietnam Communist party	3				
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National Defense and Security	2				
	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1				
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry Combat Techniques and Tactics	2				
1.6.	Học phần đặc thù bắt buộc cho sinh viên E-learning (không tính vào tổng số tín chỉ)							

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH	KL
	A000205	Nhập môn Internet và E-learning	Information and Communications Technology	3	30	30		
	A000305	Phát triển kỹ năng cá nhân	Personal Skills Development	3	30	30		
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			91				
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành			22				
2.1.1	Các học phần bắt buộc			20				
	NNPL1023H	Lý luận nhà nước và pháp luật	Introduction to State and law	3	35	20		
	LUHP1022H	Luật hiến pháp	Constitution Law	2	25	10		
	LUHC1023H	Luật hành chính	Administrative Law	3	35	20		
	CPQT1022H	Công pháp quốc tế	Public International Law	2	25	10		
	TPQT1022H	Tư pháp quốc tế	Private International Law	2	25	10		
	LUHS1023H	Luật hình sự	Criminal Law	3	35	20		
	TTHS1022H	Luật tố tụng hình sự	Criminal procedure law	3	35	20		
	PQCN1022H	Pháp luật về quyền con người	Law on human rights	2	25	10		
2.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2				
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	25	10		
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	World civilization history	2	25	10		
2.2	Khối kiến thức cơ sở ngành			28				
2.2.1	Các học phần bắt buộc			26				
	LDS11023H	Luật dân sự 1	Civil Law 1	3	35	20		

RU
AI
ĐC
TH
★

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
					Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT
	LDS21023H	Luật dân sự 2	Civil Law 2	3	35	20		
	TTDS1023H	Luật tố tụng dân sự	Civil Procedure Law	3	35	20		
	LDNE1022H	Luật Doanh nghiệp	Economic Law	2	25	10		
	LUTM1023L	Luật thương mại	Commercial Law	3	35	20		
	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour Law	2	25	10		
	LLĐ21022H	Luật lao động nâng cao	Advanced Labour Law	3	35	20		
	LUNH1022H	Luật ngân hàng	Banking law	2	25	10		
	LUĐĐ1022H	Luật đất đai	Land Law	3	35	20		
	HNGĐ1022H	Luật hôn nhân và gia đình	Law on marriage and family	2	25	10		
2.2.2	Học phần tự chọn (chọn 1/2)			2				
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	25	10		
	KNME0322H	Kỹ năng mềm	Sofl Skills	2	25	10		
2.3	Kiến thức ngành			31				
2.3.1	Các học phần bắt buộc			21				
	LTKT1022H	Luật thuế và kế toán	Tax and Accounting Law	2	25	10		
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	Law on Social issues	2	25	10		
	TMQT1022H	Luật thương mại quốc tế	International trade Law	2	25	10		
	SHTT1022H	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual property law	2	25	10		
	PLBH1023H	Pháp luật về bảo hiểm	Insurance Law	3	35	20		
	XLCV1022H	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	Administrative working skills	2	25	10		

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH	KL
	THNL1022T	Thực hành nghề luật	Legal profession practicing	2	0	90		
	GQTC1022H	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	Commercial dispute resolution skills	2	25	10		
	PHĐ1022H	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	Negotiating and drafting skills	2	25	10		
	STVB1022H	Kỹ năng Soạn thảo văn bản	Text editor	2	30	0		
2.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 5/10)			10				
	Nhóm tự chọn 1 (chọn 2/4)							
	PLCK1022H	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Securities and stock market law	2	25	10		
	LBĐS1022H	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Real estate business Law	2	25	10		
	LXNK1022H	Pháp luật về xuất nhập khẩu	Import and export Law	2	25	10		
	LNTD1022H	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	Legislation on protecting consumer rights	2	25	10		
	Nhóm tự chọn 2 (chọn 3/6)							
	LTTQ1022H	Pháp luật về thanh toán quốc tế	International payment Law	2	25	10		
	LUMT1022H	Luật môi trường	Environmental Law	2	25	10		
	THDA1022T	Thực hành diễn án	Moot Court Skills	2	0	90		
	XDVB1022H	Xây dựng văn bản pháp luật	Drafting legal documents	2	25	10		
	PLCA1022H	Pháp luật cộng đồng ASEAN	Legislation of ASEAN community	2	25	10		

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Phân bổ tiết học (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)			
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH	KL
	LANM1022H	Luật An ninh mạng	Cyber Security Law	2	25	10		
2.4	Thực tập tốt nghiệp			4				
	TTCK0624T	Thực tập tốt nghiệp	Final Internship	4	0			180
2.5	Học phần thay thế hoặc khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết khóa luận hoặc học 3 học phần thay thế)			6				
	TVHD1022H	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	Consulting skills in Labour contracts	2	15	30		
	LUĐT1022H	Luật đầu tư	Investment Law	2	25	10		
	LUCT1022H	Luật cạnh tranh	Competition Law	2	25	10		
	KLTN0626T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6	0		270	
Tổng 137 tín chỉ								